

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2019

V/v: Ly hôn giữa

anh Q và chị S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đỗ Duy Toán

Bà: Đặng Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hằng -Thư ký TAND huyện Nam Trực.

- Đại diện VKSND huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh Q có mặt, chị S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 28 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Ngô Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Ngô Văn Q và chị Trần Thị S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 16/11/1998. Sau khi cưới một thời gian anh chị xảy ra bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cãi chửi nhau. Hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Anh chị đã ly thân từ

năm 2004 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị được ly hôn chị S.

Về con chung: anh và chị S có 2 con chung là Ngô Thị T sinh ngày 10/6/1999 và Ngô Ngọc Q sinh ngày 22/3/2003. Cháu T đã trưởng thành lao động tự lập không phải nuôi dưỡng. Cháu Q đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị nuôi cháu Q và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản, công nợ: anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Em trai chị Sen là Trần Văn V cũng xác nhận chị S và anh Q kết hôn tại UBND xã N năm 1998. Chị S ở chung với bố mẹ chồng nhưng do mâu thuẫn với mẹ chồng nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn D, xã N ở từ năm 2005 đến nay không đoàn tụ lại. Anh chị có hai con chung như anh Q đã khai. Chị S đi làm ăn xa khi thoảng mới về nhà. Chị em vẫn thường liên lạc với nhau, anh V đã giao văn bản tố tụng của Tòa án cho chị S.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự và đề nghị giải quyết cho anh Ngô Văn Q ly hôn chị Trần Thị S, con chung Ngô thị T sinh năm 1999 đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng, con nhỏ là Ngô Ngọc Q sinh ngày 22/3/2003 tiếp tục giao cho anh Q nuôi, chấp nhận anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung cho anh . Án phí ly hôn anh Q nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng , Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng chị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng liên quan cho thân nhân chị S theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Anh Ngô Văn Q và chị Trần Thị S kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận một thời gian thì anh chị mâu thuẫn do chị và mẹ chồng bất đồng trong cuộc sống, anh Q và chị không tìm được tiếng nói chung trong gia đình quan hệ tình cảm hai bên không khắc phục được, anh chị ly thân từ năm 2004 đến nay. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được. Do vậy anh Q xin ly hôn chị S sẽ được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về con chung: Cháu lớn là Ngô Thị T sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không phải nuôi dưỡng. Chấp nhận đề nghị của anh được nuôi con Ngô Ngọc Q sinh ngày 22/3/2003 và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị S có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: anh Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa anh Ngô Văn Q và chị Trần thị S.

2. Con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Q tiếp tục giao anh nuôi dưỡng cháu Ngô Ngọc Q sinh ngày 22/3/2003 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị S có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: anh Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu tiền số: 0002178 ngày 28 tháng 01 năm 2019.

Báo cho anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh